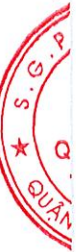


Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04 năm 2021

Ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015, giấy phép điều chỉnh số 74/GPĐC-UBCK cấp ngày 19/11/2020 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK cấp ngày 27/05/2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (“TVS”) được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015, ngày 19/11/2020 TVS mua thêm 10.000.000 CP tương đương 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2021 này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 04 năm 2020
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 07 tháng 04 năm 2020
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên	Từ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2021 này là Ông Trần Vinh Quang, tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2021 này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán Quý 04/2021 kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại Ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31/12/2021 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 01 năm 2022

21/01/2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.783.679.920.508	445.878.071.694
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	25.366.907.371	4.928.779.888
111	1. Tiền		6.175.530.708	2.928.779.888
112	2. Các khoản tương đương tiền		19.191.376.663	2.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	2.598.129.106.300	416.060.672.146
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.040.066.113.022	416.060.672.146
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.558.062.993.278	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	159.850.273.160	14.821.775.298
131	1. Phải thu khách hàng		4.748.973.893	-
132	2. Trả trước cho người bán		71.527.500	-
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		100.822.393.130	9.587.841.629
135	4. Các khoản phải thu khác		54.207.378.637	5.233.933.669
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		333.633.677	10.066.844.362
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	32.324.800	38.055.531
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		301.308.877	28.788.831
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	10.000.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		251.587.017.441	573.041.142
210	Các khoản phải thu dài hạn		61.898.200	61.898.200
218	1. Phải thu dài hạn khác	9	61.898.200	61.898.200
220	I. Tài sản cố định		27.209.537	-
221	Tài sản cố định hữu hình		27.209.537	-
222	Nguyên giá		30.797.000	-
223	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.587.463)	-
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		251.072.850.000	-
258	1. Đầu tư dài hạn khác		251.072.850.000	-
260	II. Tài sản dài hạn khác		425.059.704	511.142.942
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	336.117.834	476.085.447
268	2. Tài sản dài hạn khác	9	88.941.870	35.057.495
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.035.266.937.949	446.451.112.836
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.762.394.245.917	293.898.052.616
310	I. Nợ ngắn hạn		2.762.394.245.917	293.898.052.616
311	1. Vay ngắn hạn	10.1	707.510.000.000	279.210.000.000
312	2. Phải trả người bán	10.2	88.641.574.326	96.847.467
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	24.150.869.765	2.730.335.943
315	4. Phải trả người lao động		5.002.052.424	2.472.186.151
316	5. Chi phí phải trả		208.016.177	70.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	1.936.253.338.921	8.943.595.976
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		628.394.304	375.087.079
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		272.872.692.032	152.553.060.220
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.1	125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối	13.2	125.016.203.932	8.466.435.508
423	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	14	19.344.705.478	15.574.842.090
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.035.266.937.949	446.451.112.836

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31/12/2021.

Mã số	CHỈ TIÊU		Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		22.400.000.000	40.000.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		22.400.000.000	40.000.000.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		55.176.003.611	98.650.782.848
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	23	55.176.003.611	98.650.782.848
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		2.315.538.961.715	808.018.676.664
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	24	2.315.538.961.715	808.018.676.664
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	25	28.037.792.313	8.369.687.660
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	26	75.097.377.891	7.782.284.565



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 01 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 04/2021 VND	Quý 04/2020 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 VND
01	1. Doanh thu	15	102.970.427.761	11.249.610.021	124.896.662.829	16.210.431.705
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		102.970.427.761	11.249.610.021	124.896.662.829	16.210.431.705
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	16	(2.499.949.855)	(4.670.721.091)	(13.892.770.486)	(8.276.699.452)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		100.470.477.906	6.578.888.930	111.003.892.343	7.933.732.253
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	17	42.977.750.748	7.320.454.168	111.385.433.200	7.508.829.506
22	6. Chi phí hoạt động tài chính	18	(34.016.708.942)	(3.957.584.900)	(59.995.236.973)	(4.095.531.880)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(1.373.214.305)	(1.670.198.701)	(5.276.932.761)	(3.051.300.417)
30	8. Lãi(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		108.058.305.407	8.271.559.497	157.117.155.809	8.295.729.462
31	9. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	10. Chi phí khác		(326.200.000)	(973)	(627.579.462)	-
40	11. Lợi nhuận khác		(326.200.000)	(973)	(627.579.462)	-
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		107.732.105.407	8.271.558.524	156.489.576.347	8.295.729.462
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.2	(19.901.467.830)	(1.271.599.257)	(29.666.637.310)	(1.298.446.458)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		87.830.637.577	6.999.959.267	126.822.939.037	6.997.283.004
	- LN sau thuế TNDN của Công ty mẹ		86.438.984.048	6.705.117.177	123.053.075.649	6.702.440.914
	- LN sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát		1.391.653.529	294.842.090	3.769.863.388	294.842.090
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		6.915	536	9.844	1.889



Handwritten signature in blue ink.

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 19 tháng 01 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		156.489.576.347	8.295.729.462
	<i>Điều chỉnh:</i>		(17.695.175.418)	(3.637.592.315)
02	1. Khấu hao tài sản cố định		3.587.463	-
03	2. Các khoản dự phòng		-	-
05	3. (Lỗ)/lãi từ hoạt động đầu tư		(38.472.000.794)	(7.508.829.506)
06	4. Chi trả lãi vay		20.773.237.913	3.871.237.191
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		138.794.400.929	4.658.137.147
09	1. Giảm các khoản phải thu		(145.301.017.908)	(9.361.304.886)
11	2. Giảm/(tăng) các khoản phải trả		1.129.423.332.178	10.583.009.889
12	3. Giảm chi phí trả trước		98.988.895	(208.247.081)
13	4. Tiền lãi vay phải trả		(15.855.338.209)	(3.636.241.094)
14	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.761.675.609)	(677.841.492)
16	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.098.398.690.276	1.357.512.483
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(30.797.000)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.949.381.602.906)	(384.587.822.146)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		424.589.795.661	1.879.646.474
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(33.583.658.434)	(14.202.850.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.001.085.800	-
27	6. Lãi tiền gửi thu được		21.394.614.086	418.344.267
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.500.010.562.793)	(396.492.681.405)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
	III.Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	115.280.000.000
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.616.323.500.000	593.765.000.000
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.188.023.500.000)	(314.555.000.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.250.000.000)	(3.750.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		422.050.000.000	390.740.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		20.438.127.483	(4.395.168.922)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	4.928.779.888	9.323.948.810
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	25.366.907.371	4.928.779.888



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 01 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

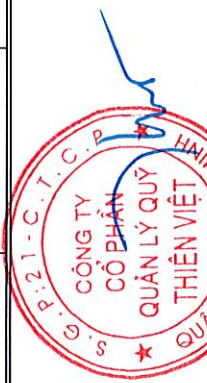
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2021		Đến 31/12/2020		Đến 31/12/2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.1	25.000.000.000	125.000.000.000	100.000.000.000				125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		1.502.584.086	1.755.891.311	253.307.225				1.755.891.311	1.755.891.311
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.502.584.086	1.755.891.311	253.307.225				1.755.891.311	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối	13.2	6.251.259.084	8.466.435.508	6.702.440.914	(4.487.264.490)	123.053.075.649	(6.503.307.225)	8.466.435.508	125.016.203.932
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	14		15.574.842.090	15.574.842.090		3.769.863.388		15.574.842.090	19.344.705.478
TỔNG CỘNG		34.256.427.256	152.553.060.220	122.783.897.454	(4.487.264.490)	126.822.939.037	(6.503.307.225)	152.553.060.220	272.872.692.032


Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 19 tháng 01 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B09a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015, giấy phép điều chỉnh số 74/GPĐC-UBCK cấp ngày 19/11/2020 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK cấp ngày 27/05/2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99.2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015, ngày 19/11/2020 TVS mua thêm 10.000.000 CP tương đương 99.84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam.

Công ty con.

Trong năm, Công ty thực hiện khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Finsight dưới hình thức góp vốn với tổng số tiền là 84.800.000.000 đồng, tương đương với tỉ lệ sở hữu là 84,73% và trở thành công ty mẹ của công ty này.

Công ty Cổ Phần Finsight là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0316449345 cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020 do Sở kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp.

Hoạt động chính của Công ty con là hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật); các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật); hoạt động trung gian thanh toán; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin (trừ các thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí); nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

Công ty con có trụ sở tại Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 03, TP.HCM, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại Ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 16 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 15 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

- ▶ Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:
- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng (tiếp theo)*

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
 - ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
 - ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).
- ▶ Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất các quý và bán niên theo quy định của Thông tư 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ báo cáo Quý 04/2021 kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính Quý 04/2021 độ. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 04/2021 trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào "*Chi phí tài chính*" trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2021 theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 04/2021 và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17.5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành. Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.8 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2021 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2021.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2021 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong
- ▶ từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.9 **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)*

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3.10 *Công cụ tài chính*

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2021, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2021, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính Quý 04/2021 này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tiền mặt bằng VND	70.018.057	69.264.983
Tiền gửi không kì hạn bằng VND	6.105.512.651	2.859.514.905
Các khoản tương đương tiền	19.191.376.663	2.000.000.000
	25.366.907.371	4.928.779.888

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>		
Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM	-	24.240.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	24.786.000.000	16.160.000.000
Công ty CP Finhay VN	24.957.658.434	
Công ty CP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh	-	1.072.850.000
Trái phiếu	927.531.026.351	251.987.822.146
Chứng chỉ tiền gửi	62.791.428.237	3.600.000.000
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
Trái phiếu ngân hàng	1.349.990.775.714	-
Trái phiếu doanh nghiệp	147.270.409.414	119.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	60.058.808.150	
Hợp đồng tiền gửi	743.000.000	
	2.598.129.106.300	416.060.672.146

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ ĐTCK	18.490.246.496	-
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	82.214.633.634	9.056.129.640
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư khác	-	235.237.523
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	260.570.466
Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác	117.513.000	35.904.000
	100.822.393.130	9.587.841.629

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B09a-CTQ

6.2 Các khoản phải thu khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải thu khách hàng	4.748.973.893	-
Trả trước cho người bán	71.527.500	-
Lãi dự thu tiền gửi và trái phiếu	45.011.827.385	5.211.397.669
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh từ Momo	9.192.551.252	
Khác	3.000.000	22.536.000
	59.027.880.030	5.233.933.669

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	32.324.800	19.800.000
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	301.308.877	
Khác	-	18.255.531
	333.633.677	38.055.531

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Công cụ, dụng cụ	235.998.901	211.078.105
Chi phí sửa chữa văn phòng	100.118.933	196.939.665
Khác	-	68.067.677
	336.117.834	476.085.447

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Đặt cọc taxi	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc thuê VP	61.898.200	61.898.200
Đặt cọc phí lưu ký	73.941.870	
	150.840.070	96.955.695

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B09a-CTQ

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
10.1 Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	249.950.000.000	269.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	199.950.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	19.000.000.000
Vay cá nhân	457.560.000.000	10.210.000.000
	-	-
	707.510.000.000	279.210.000.000
10.2 Nợ ngắn hạn		
Phải trả người bán ngắn hạn		
- Chi phí hoạt động	80.290.147.400	96.847.467
- Mua trái phiếu phải trả	8.351.426.926	-
- Phí quản lý người dùng phải trả Momo	-	-
	-	-
	88.641.574.326	96.847.467

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.298.446.458	29.666.637.310	(8.761.675.609)	22.203.408.159
Thuế thu nhập cá nhân	1.428.625.485	8.824.080.099	(8.315.926.978)	1.936.778.606
Thuế GTGT đầu ra	3.264.000	26.216.333	(18.797.333)	10.683.000
Khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
	2.730.335.943	38.522.933.742	(17.102.399.920)	24.150.869.765

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Lãi dự thu phải trả	4.355.149.913	8.648.599.879
Vốn hợp tác đầu tư		234.996.097
Vốn hợp tác đầu tư (Users)	1.931.888.231.499	-
Phải trả khác	9.957.509	60.000.000
	1.936.253.338.921	8.943.595.976

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
13. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

B09a-CTQ

13.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Vốn góp cuối kỳ VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu %</i>	<i>Vốn góp Đầu kỳ VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu %</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99.84	124.800.000.000	99.84
Trần Vinh Quang	100.000.000	0.08	100.000.000	0.08
Lê Quang Tiến	100.000.000	0.08	100.000.000	0.08
	125.000.000.000	100.00	125.000.000.000	100.00

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

13.2 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận đã thực hiện VND	Lợi ích của cổ đông thiểu số VND	Tổng cộng VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	8.466.435.508	15.574.842.090	152.553.060.220
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	123.053.075.649	3.769.863.388	126.822.939.037
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ trước	-	-	-	(253.307.225)	-	(253.307.225)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(6.250.000.000)	-	(6.250.000.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	125.016.203.932	19.344.705.478	272.872.692.032

Trong kỳ, Công ty trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi cho nhân viên với số tiền là 253.307.225 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2004/2021/NQ-HĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021. Ngoài ra, trong kỳ Công ty đã trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2004/2021/NQ-HĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

14. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>
Số đầu kỳ	15.574.842.090	-
Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	3.769.863.388	-
Số cuối kỳ	19.344.705.478	15.574.842.090

15. DOANH THU THUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND</i>
Phí quản lý danh mục đầu tư	82.141.918.122	10.398.353.971
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	56.884.751.347	9.939.069.084
- Phí QL Công ty CP Finhay Việt Nam	3.837.166.775	444.284.887
- Phí quản lý danh mục khác	21.420.000.000	15.000.000
Phí quản lý Quỹ	19.729.569.030	851.256.050
Phí QL Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	-	439.691.872
Phí QL Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	19.177.684.862	411.564.178
Phí QL Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	551.884.168	
Khác	1.098.940.609	
	102.970.427.761	11.249.610.021

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND</i>
Chi phí nhân viên	1.908.833.137	4.068.589.420
Chi phí đồ dùng văn phòng	176.859.581	165.669.344
Chi phí thuê văn phòng	122.610.219	132.542.966
Thuế, phí và lệ phí	10.846.320	23.044.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.000.598	166.650.636
Chi phí bằng tiền khác	29.800.000	114.223.825
	2.499.949.855	4.670.721.091

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND</i>
Thu nhập lãi (lãi tiền gửi, lãi cho vay)	68.430.856	2.234.177.557
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	11.723.765.246	2.230.646.474
Lãi hợp đồng tiền gửi, CCTG (BCC)	1.813.402.746	
Lãi trái phiếu	2.574.739.726	2.805.630.137
Thu nhập tài chính khác	26.797.412.174	50.000.000
	42.977.750.748	7.320.454.168

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND</i>
Phí ngân hàng	73.870.676	59.594.117
Chi phí lãi vay	7.395.623.772	3.624.318.410
Chi phí giao dịch mua bán CK	87.325.200	79.172.373
Lỗ bán chứng khoán	112.000.000	362.500.000
Chi phí hoạt động hợp tác đầu tư (Users-FS)	26.347.889.294	-
Hoàn nhập dự phòng		(168.000.000)
	34.016.708.942	3.957.584.900

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	844.865.784	1.047.916.353
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.654.034	55.855.853
Chi phí khấu hao	2.566.416	
Thuế, phí và lệ phí	1.522.760	2.841.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.687.103	232.767.194
Chi phí khác	292.918.208	330.817.726
	1.373.214.305	1.670.198.701

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm (2020: 20%).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2021 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2021 vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 04/2021.

20.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành

	Giai đoạn từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 VND	Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	107.732.105.407	8.271.558.524
Thuế TNDN tạm tính (20%)-	19.865.467.830	1.271.599.257
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được trừ	36.000.000	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	19.901.467.830	1.271.599.257

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	Giai đoạn từ 01/10/2021 đến 31/12/2021 VND	Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty (đồng)	86.438.984.048	6.705.117.177
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	6.915	536

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	60.850.735.303	12.595.445.949
		Tăng tiền gửi ủy thác	2.137.691.947.986	836.678.167.484
		Giảm tiền gửi ủy thác	(2.182.491.268.353)	(748.773.424.341)
		Mua lại cổ phiếu TVGF2 từ TVS	-	(13.130.000.000)
		Chi cổ tức trong năm	(6.240.000.000)	(3.720.000.000)
		Phí lưu ký	(21.629.220)	(28.181.700)
		Góp vốn thành lập Finsight		15.000.000.000
		Tăng vốn tại TVAM	-	100.000.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	8.238.639.413	1.522.005.314
		Cổ tức được chia	4.800.000.000	
		Thu nhập từ giải thể Quỹ TVGF	12.761.085.800	
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	20.990.469.108	1.420.144.007
		Cổ tức được chia	3.880.000.000	
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	807.857.098	-
		Phí phát hành CCQ	1.990.080.000	
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	Lương, phụ cấp và thù lao	1.333.200.000	2.341.524.909
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Góp vốn vào Finsight		140.000.000
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Góp vốn vào Finsight		140.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2021 số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	55.562.756.695	9.056.129.640
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	-	24.240.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	24.786.000.000	16.160.000.000
		Phí quản lý Quỹ	18.490.246.496	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Bên liên quan	Phí quản lý Quỹ	-	-
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vốn góp tại Finsight	140.000.000	140.000.000
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vốn góp tại Finsight	140.000.000	140.000.000

23. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>
Số dư đầu kỳ	98.650.782.848	10.159.902.758
Tăng trong kỳ	6.313.792.102.865	2.387.666.976.170
Giảm trong kỳ	(6.357.266.882.102)	(2.299.176.096.080)
Số cuối kỳ	55.176.003.611	98.650.782.848

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

24. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	389.936.369.783	355.522.753.045
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>	184.716.404.796	14.006.757.100
AAA	115.817.177	-
AAM	81.055.741	-
AMD	205.316.502	-
BBC	77.875.385	-
DHC	-	339.000
DHG	84.214.583	-
DLG	101.785.570	-
DMC	-	428.400
DPM	193.093.043	-
FIT	77.818.236	-
FLC	191.014.799	-
FPT	265.733.425	-
GAS	87.922.630	-
GVR	75.690.111	-
HAG	183.443.778	-
HAI	206.553.107	-
HNG	87.407.938	-
HQC	84.634.505	-
HVN	146.836.981	-
ITA	123.874.218	-
NVL	-	14.005.000.000
PLX	24.384.902.728	-
POW	543.610.621	-
PVP	46.070.733.673	-
SCR	72.440.110	-
TCB	56.801.534.574	-
TVS	509.200.818	-
VIC	742.857.824	-
VJC	-	933.800
VNM	50.498.912.088	-
VRE	95.865.247	-
<i>Các loại mã chứng khoán khác</i>	2.606.259.384	55.900
Chứng chỉ quỹ	714.374.355.358	159.589.135.873
<i>Trong đó, các chứng chỉ quỹ bị suy giảm giá trị</i>	28.165.139.404	-
FUESSV30	28.165.139.404	-
Trái phiếu chưa niêm yết	1.179.748.339.237	292.906.787.746
Cổ phiếu chưa niêm yết	31.479.897.337	-
Chứng chỉ tiền gửi	-	-
	2.315.538.961.715	808.018.676.664

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

25. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải thu cổ tức	1.047.305.600	1.462.147.190
Phải thu lãi tiền gửi, lãi dự thu	24.809.203.058	-
Đặt cọc mua trái phiếu, chứng chỉ quỹ	-	3.707.668.870
Phải thu bán chứng khoán	2.181.283.655	3.199.871.600
	28.037.792.313	8.369.687.660

26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	14.217.920.000	7.692.000.000
Phải trả phí khác	60.879.457.891	90.284.565
	75.097.377.891	7.782.284.565

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Dưới một (1) năm	1.272.950.700	1.272.950.700

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

28.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2021 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

28.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B09a-CTQ

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo) 28.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên số tiền chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.366.907.371	18.000.000.000	-	-	25.366.907.371
Đầu tư ngắn hạn	2.598.129.106.300	-	-	-	2.598.129.106.300
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	100.822.393.130	-	-	100.822.393.130
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	-	54.996.345.761	-	-	54.996.345.761
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	251.072.850.000	-	251.072.850.000
	2.605.496.013.671	173.818.738.891	-	251.072.850.000	3.029.598.635.438
Nợ phải trả tài chính					
Vay ngắn hạn	-	208.016.177	707.510.000.000	-	707.510.000.000
Chi phí phải trả	-	208.016.177	707.510.000.000	-	707.718.016.177
Ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.928.779.888	2.000.000.000	-	-	4.928.779.888
Đầu tư ngắn hạn	416.060.672.146	-	-	-	416.060.672.146
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	9.587.841.629	-	-	9.587.841.629
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	-	15.233.933.669	-	-	15.233.933.669
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	96.955.695	-	96.955.695
	418.989.452.034	26.821.775.298	-	96.955.695	445.908.183.027
Nợ phải trả tài chính					
Vay ngắn hạn	-	70.000.000	279.210.000.000	-	279.210.000.000
Chi phí phải trả	-	70.000.000	279.210.000.000	-	279.280.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B09a-CTQ

29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2021 của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.366.907.371	4.928.779.888	25.366.907.371	4.928.779.888
Đầu tư ngắn hạn	2.598.129.106.300	416.060.672.146	2.609.183.106.300	428.380.672.146
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	100.822.393.130	9.587.841.629	100.822.393.130	9.587.841.629
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	54.996.345.761	15.233.933.669	54.996.345.761	15.233.933.669
Tài sản tài chính dài hạn khác	251.072.850.000	96.955.695	251.072.850.000	96.955.695
	3.029.598.635.438	445.991.963.882	3.040.652.635.438	458.228.183.027
Nợ phải trả tài chính				
Vay ngắn hạn	707.510.000.000	279.210.000.000	707.510.000.000	279.210.000.000
Nợ phải trả	208.016.177	70.000.000	208.016.177	70.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.	-	-	-	-
	707.718.016.177	279.280.000.000	707.718.016.177	279.280.000.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 04/2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B09a-CTQ

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN.


Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất Quý 04/2021 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2021.



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam

Ngày 19 tháng 01 năm 2022